

LỜI GIỚI THIỆU

Không phải ngẫu nhiên mà Huế được xưng tụng là đất Thiền kinh. Trải qua nhiều thế kỷ bén rễ ở vùng đất từng là thủ phủ của xứ Đàng Trong thời các chúa Nguyễn, rồi kinh đô của cả nước thời nhà Nguyễn, rừng thiền xứ Huế là nơi quy tụ nhiều vị danh tăng thuộc các dòng thiền Lâm Tế, Tào Động từ Trung Quốc đến hoàng pháp, đồng thời cũng là nơi phát xuất dòng thiền Liễu Quán danh tiếng của Việt Nam. Bên cạnh đó, Phật giáo còn nhận được sự ngoại hộ tích cực của các tầng lớp vua chúa, quan lại, trí thức và đông đảo Phật tử thập phương... để tồn tại qua bao thăng trầm lịch sử, trở thành một mạch nguồn văn hóa của vùng đất Cố đô.

Tuy nhiên, có một điều đáng lưu ý là, Phật giáo Huế dù đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài hơn 700 năm (tính từ thời điểm 1306) nhưng tư liệu in ấn về Phật giáo cổ lại không có mấy, quanh đi quẩn lại cũng chỉ vài tài liệu như những ghi chép của Lê Quý Đôn về thiền sư Hương Hải trong *Kiến văn tiểu lục*, những điều mô tả của Thích Đại Sán trong *Hải ngoại ký sự*..., ngay bút lục của các thiền sư cũng rất hiếm hoi. Tác phẩm khảo cứu rất có giá trị về Phật giáo Huế là bộ *Hàm Long sơn chí* thì do tình hình truyền bản thất tán, nay vẫn chưa được dịch thuật và công bố rộng rãi. Trong tình hình ấy, mảng văn bia chùa Huế trở thành những tư liệu không thể thiếu để tìm hiểu về Phật giáo xứ Huế.

Huế có hàng trăm ngôi chùa nhưng không phải chùa nào cũng có văn bia, đa số văn bia được dựng ở các ngôi quốc tự, tổ đình... và hầu hết tập trung ở các chùa quanh thành phố Huế. Chùa nhiều bia nhất là chùa Thiên Mụ (5 văn bia); bia cổ nhất mà văn khắc còn đầy đủ là bia chùa Thiên Mụ với bài văn của chúa Nguyễn Phúc Chu năm 1715.

Nội dung các bài văn bia gồm một trong ba loại: hoặc ghi lại lịch sử hình thành, quá trình xây dựng, sửa chữa một ngôi chùa; hoặc tổng thuật hành trạng của một nhà sư; hoặc khắc thơ văn ca ngợi cảnh chùa.

Tác giả các áng văn bia thường là các nhà Nho hoặc nhà Thích. Nhà Nho có thể thuộc hàng vua chúa (như chúa Nguyễn Phúc Chu viết bài bia chùa Thiên Mụ, chúa Nguyễn Phúc Chú viết bài bia tháp mộ Nguyên Thiều; các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Khải Định có thơ ngự chế khắc vào bia các chùa Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên), hoặc thuộc hàng Tôn Thất hoàng tộc (như Tuy Lý Vương Miên Trinh viết bài văn bia chùa Tường Vân), hoặc thuộc hàng khoa bảng, quan lại (như Nguyễn Thượng Hiền viết bài văn bia Tịnh đường chùa Tường Vân, Nguyễn Thuật viết bài văn bia chùa Linh Quang, Lâm Mậu viết bài văn bia chùa Phổ Quang,

Nguyễn Cao Tiêu viết bài văn bia chùa Tra Am, Nguyễn Đình Tân viết bài văn bia chùa Trường Xuân...). Nhà Thích chủ yếu là các thiền sư uyên thâm Phật điển lẫn Nho điển (như Viên Thành Thượng Nhân soạn văn bia hành trạng sư Tuệ Pháp, hòa thượng Trí Quang soạn văn bia hành trạng Tăng thống Tịnh Khiết, hòa thượng Trí Thủ soạn văn bia hành trạng Tăng thống Giác Nhiên...), hay một cư sĩ thông hiểu Phật pháp (như cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám soạn văn bia hành trạng sư Mật Khê). Ngoài ra, còn có các nhà sư Trung Quốc, như sư Thiện Kế soạn bài văn bia hành trạng Tổ Liễu Quán, Tử Vân Giai đạo nhân soạn bài văn bia chùa Sơn Tùng...

Giá trị của văn bia chùa Huế về cả tư tưởng, lịch sử lẫn văn hóa là không thể phủ nhận. Về tư tưởng, văn bia phản ánh nội dung và không khí thiền học xứ Huế từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XX khá cụ thể, chủ yếu trên cơ sở của hai dòng thiền chính ở Huế là Lâm Tế và Liễu Quán. Đoạn văn đáp giữa Minh Hoàng Tử Dung và Thiệt Diệu Liễu Quán trong bia tháp Vô Lượng như lời “ngũ lục” là một ví dụ tiêu biểu. Hình thái “Tam giáo đồng nguyên” và tư tưởng “Cư Nho mộ Thích” thể hiện rất rõ ràng, bởi lẽ các tác giả văn bia hầu hết là các nhà Nho, họ dễ dàng dùng *Tứ thư*, *Ngũ kinh* để phát huy, giải thích ý nghĩa của “tam tạng”, hướng giáo lý của Đức Thích Ca Mâu Ni vào tam cương ngũ thường, làm cho Phật giáo Huế mang màu sắc “nhập thế” hơn là “xuất thế”...

Qua văn bia chùa Huế, chúng ta cũng thấy thấp thoáng bóng dáng lịch sử đương thời, không chỉ vì tác giả là những người liên quan đến lịch sử như các chúa Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Phúc Chú, vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị hay Nguyễn Phúc Miên Trinh, Nguyễn Thượng Hiền... mà chính nội dung văn bản cũng đề cập đến những nhân vật gắn bó với lịch sử (kể cả lịch sử Phật giáo lẫn lịch sử dân tộc). Mặt khác, qua hành trạng của các thiền sư, chúng ta thấy vị nào cũng có không chỉ hàng chục đệ tử, không chỉ hàng trăm tín đồ, từ vua chúa, quan lại đến nhân dân. Văn bia ghi chép khá chi tiết sự đóng góp của bốn đạo thập phương trong việc xây dựng, tôn tạo chùa chiền. Đó là những tư liệu quý để nghiên cứu về tình hình kinh tế-xã hội thời bấy giờ. Trên phương diện mỹ thuật, bia chùa Huế đóng góp những nét riêng làm phong phú thêm cho nền mỹ thuật Huế.

Nhận thức được những giá trị quý báu của văn bia chùa Huế, nhiều năm qua, không ít nhà nghiên cứu Hán Nôm ở Huế đã bỏ công sưu tầm, sao chép, phiên dịch mảng tư liệu quan trọng này, nhưng có lẽ do thiếu điều kiện xuất bản, nên việc công bố chỉ mang tính lẻ tẻ trên sách báo hoặc chỉ lưu hành nội bộ. Trước tình hình ấy, vào năm 2005, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* đã xuất bản số chuyên đề “**Tuyển dịch văn bia chùa Huế**”, giới thiệu 45 bài văn bia tại 22 ngôi chùa cổ ở Huế và vùng phụ cận, do nhà nghiên cứu Lê Nguyễn Lưu sưu tầm, dịch thuật và chú giải. Dù chưa đạt đến mức độ hoàn thiện, công trình cũng đã được đông đảo

bạn đọc đón nhận, tìm đọc và đóng góp nhiều ý kiến quý báu, chỉ ra những sai sót, khiếm khuyết của bản dịch.

Để tiếp tục phục vụ nhu cầu bạn đọc, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* xin dành 2 số báo cuối năm 2017 (số 8 và số 9) để tái bản công trình “**Tuyển dịch văn bia chùa Huế**” của dịch giả **Lê Nguyễn Lưu**. Trong lần tái bản này, chúng tôi xin lược bỏ các bài minh chuông (để đưa vào một tuyển tập riêng khi có điều kiện), đồng thời bổ sung một số văn bia chùa làng (do nhà nghiên cứu **Trần Đại Vinh** thực hiện) để giới thiệu một cách đầy đủ hơn về văn bia chùa Huế, từ các ngôi cổ tự thuộc Sơn môn Huế cho đến các ngôi chùa làng trong dân gian. Tổng cộng gồm 24 ngôi chùa với 48 văn bia.

Dịch văn bia nhà chùa là một công việc cực kỳ khó khăn, đòi hỏi người dịch ngoài việc tinh thông chữ Hán lại còn phải am tường cả Phật học lẫn Nho học, vì vậy, ở lần tái bản này, dù người dịch đã hết sức cố gắng nhưng cũng khó tránh khỏi sai sót, rất mong bạn đọc lượng thứ và bổ chính để công trình hoàn thiện hơn. Xin cảm ơn nhà nghiên cứu Hán Nôm trẻ **Nguyễn Công Trí** đã tận tình giúp đỡ trong quá trình chuẩn bị bản thảo.

Cuối cùng, trong đợt khảo sát gần đây để chuẩn bị bản thảo số chuyên đề này, chúng tôi thấy khá nhiều tấm bia - nhất là bia ở tháp mộ - đã bị thời gian làm mờ mòn, rất khó đọc được trọn vẹn. Đa số văn bia đã được nhà chùa bảo quản, tôn trí trang nghiêm ở trước sân chùa hay trong đại điện, nhưng cũng có bia bị di dời khỏi vị trí cũ để dành chỗ cho những công trình khác, thậm chí có bia còn bị đặt ở những nơi khuất lấp, tình trạng viết, vẽ bậy lên bia vẫn còn. Nên chăng, nhà chùa và các cơ quan văn hóa (ở những ngôi chùa đã được xếp hạng di tích) cần đặt bản dịch tiếng Việt các bài văn bia ở những vị trí phù hợp để Phật tử thập phương và khách vãng lai có thể chiêm bái. Có hiểu được nội dung văn bia thì mới giúp nâng cao được ý thức tôn trọng di sản của tiền nhân.

Văn bia chùa Huế là di sản văn hóa quý báu không chỉ của Phật giáo mà còn là di sản văn hóa chung của cả dân tộc. Lẽ nào chúng ta lại để tâm huyết của người xưa mai một theo thời gian!

Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển